TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/HS-ST
Ngày: 30-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thành

Bà Đặng Mỹ Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, số 06 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L sinh ngày: 13-3-1958 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, đã chết và bà Dương Thị Đ, đã chết; Tiền án - Tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 06-11-2017 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Phạm Thu H; Hộ khẩu thường trú: 222/14 đường V, phường P, Quận M, Thành phố H (Có mặt).

- *Người bào chữa:* Ông Trang Xỉ X, Luật sư Công ty Luật hợp danh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh L là người chạy xe ôm và quen biết với đối tượng tên N. L đã 02 lần nhận vận chuyển thuê cho N, mỗi lần 01 phong bì mang đến quán Bar

DC, địa chỉ 148 Cống Quỳnh, Quận 1 giao cho 01 người phụ nữ không rõ lai lịch; L nhận tiền công vận chuyển của N từ 70.000 đồng đến 100.000 đồng/01 lần đi giao.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/11/2017, N gặp L tại ngã ba Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ, thuộc địa bàn Quận 5 và đưa cho L 01 phong bì, nói L mang đến ngã tư Calmette - Nguyễn Thái Bình, Quận 1 sẽ có người đến nhận và sẽ trả tiền công "đẹp" cho L. L biết trong phong bì N đưa L mang đi giao là ma túy nhưng L vẫn nhận để đi giao cho N. L sử dụng xe mô tô, biển kiểm soát: 59T2 - 058.55 mang phong bì trên đến ngã tư đường Calmette – Nguyễn Thái Bình, khi L đang đứng chờ người đến nhận trước nhà số 112 đường Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 thì bị các anh Huỳnh Hữu T, Phạm Văn H là Trinh sát Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Quận 1 trên đường tuần tra thấy L có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma tuý nên yêu cầu L về Công an phường Nguyễn Thái Bình kiểm tra. Tại Công an phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1; L tự lấy trong túi áo bên trái đang mặc 01 phong bì đựng 01 túi nilon chứa 10 viên nén hình vuông màu xanh và 01 gói nilon chứa tinh thể không màu (L xác định là ma túy) nên Công an phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 để xử lý.

Theo Kết luận giám định số 1739/KLGĐ-H ngày 12-12-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì gói niêm phong bên ngoài có chữ ký 1 ghi tên Nguyễn Thanh L và hình dấu Công an phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 gửi đến giám định, bên trong có:

- Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,6120 gam, loại Methamphetamine.

- 10 viên nén hình vuông màu xanh trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,1052 gam, loại MDMA.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1, Nguyễn Thanh L khai nhận: Trong 03 lần đi giao ma tuý cho N, lần thứ nhất L không biết bên trong phong bì mang đi giao có ma tuý; lần thứ hai L nghi ngờ trong phong bì L mang đi giao có chứa ma tuý, vì sau khi L giao phong bì, người phụ nữ đưa cho L 1.250.000 đồng mang về đưa cho N. Lần thứ ba thì L biết chắc trong phong bì N đưa cho L đi giao có chứa ma tuý nhưng vì đang cần tiền để chữa bệnh nên L vẫn nhận đi giao cho N.

Vật chứng :

- 01 gói niêm phong, bên trong có 4,6120 gam ma tuý loại Methamphetamine và 3,1052 gam ma tuý loại MDMA.

- 01 xe mô tô, biển kiểm soát 59T2-058.55 số khung: RLHJA3812GY048207, số máy: JA8E0114311 do bà Phạm Thị H đứng tên chủ sở hữu.

Thu giữ của L:

- 1.000.000 (một triệu) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Seri: 357327083576203.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSQ1 ngày 02 tháng 02 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 vẫn giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thanh L về tội " Vận chuyển trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm m, n, p khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; Hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng do bị cáo hết tuổi lao động, có hoàn cảnh khó khăn và thường xuyên đau ốm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Xử lý tang vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong, bên trong có 4,6120 gam ma tuý loại Methamphetamine và 3,1052 gam ma tuý loại MDMA; 01 xe mô tô, biển kiểm soát 59T2-058.55 do bà Phạm Thị H đứng tên đăng ký. Bà H xác định giao xe cho L chạy xe ôm, không biết L sử dụng xe làm phương tiện phạm tội; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xét trả lại cho bà Phạm Thị H; 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xét trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo có các quan điểm sau: Về tố tụng hình sự, việc Công an lập biên bản phạm tội quả tang đối với bị cáo là chưa đúng quy định pháp luật vì khi bắt chưa giám định ma túy thì chưa có cơ sở cho là bị cáo phạm tội; về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yếu tố cấu thành tội phạm vì bị cáo đi giao phong bì cho đối tượng N thì N nói là đi giao tiền và bị cáo không mở phong bì ra nên không thể biết chắc bên trong là ma túy mà bị cáo chỉ nghĩ chắc là ma túy. Tuy nhiên, về phần lượng hình hình phạt đối với bị cáo; Luật sư nhất trí với điều luật mà Đại diện Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo; Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm m, n, p khoản 1 điều 46 và điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận với Luật sư và bảo vệ quan điểm của mình về Tố tụng hình sự khi phát hiện bị cáo có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy thì việc Công an lập Biên bản phạm tội quả tang là đúng quy định của pháp luật. Đối với yếu tố cấu thành tội phạm, khi nhận phong bì của N bị cáo nghĩ chắc là ma túy ở trong phong bì. Lẽ ra bị cáo nghĩ như thế thì bản thân bị cáo có thể dừng lại bằng cách không nhận vận chuyển cho N. Tuy nhiên, bị cáo đã biến nhận thức, suy nghĩ của bị cáo thành hành động thực tế là vẫn nhận vận chuyển cho N phong bì mà bị cáo biết chắc chắn là ma túy để nhận số tiền 100.000 đồng, cao hơn 02 lần số tiền mà bị cáo nhận được nếu chạy xe ôm bình thường trên cùng một đoạn đường. Điều đó thể hiện bị cáo biết chắc đó là ma

túy và chấp nhận vận chuyển nó. Do đó, đã đủ căn cứ truy tố bị cáo phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình và nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã 3 lần đi giao ma túy cho đối tượng N; Lần thứ nhất L không biết bên trong phong bì mang đi giao có ma tuý; lần thứ hai L nghi ngờ trong phong bì L mang đi giao có chứa ma tuý, vì sau khi L giao phong bì, người phụ nữ đưa cho L 1.250.000 đồng mang về đưa cho N. Lần thứ ba thì L biết chắc trong phong bì N đưa cho L đi giao có chứa ma tuý; nhưng vì đang cần tiền để chữa bệnh nên L vẫn nhận đi giao cho N. Tổng số ma túy thu giữ của bị cáo N là 4,6120 gam ma tuý, loại Methamphetamine và 3,1052 gam ma tuý, loại MDMA (Theo bản kết luận giám định số 1739/KLGĐ-H ngày 12-12-2017 phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Trong vụ án này bị cáo khai có 3 lần Vận chuyển trái phép chất ma túy nhưng lần thứ nhất bị cáo không biết, lần thứ hai thì bị cáo chỉ nghi ngờ là ma túy sau khi giao xong do người phụ nữ đưa tiền cho bị cáo cầm về cho N, nhưng lần thứ ba thì bị cáo biết chắc là ma túy nhưng vẫn đi giao nhằm mục đích hưởng lợi. Do đó, không đủ cơ sở để truy tố bị cáo phạm tội nhiều lần theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh L theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về phần bào chữa của Luật sư cho bị cáo: Luật sư cho rằng việc Công an lập biên bản phạm tội quả tang đối với bị cáo là chưa đúng quy định pháp luật vì khi bắt chưa giám định ma túy thì chưa có cơ sở cho là bị cáo phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 82 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về bắt người phạm tội quả tang "…Đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt, cũng như người đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Uỷ ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản và giải ngay người bị bắt đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền…" và theo thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14 tháng 11 năm 2015 sửa đổi, bổ sung thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007 quy định "…những người thực hiện hành vi phạm tội ý thức rằng chất đó là chất ma túy…. thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy…". Như vậy, mặc dù chưa giám định ma túy nhưng bị cáo ý thức được đó là ma túy, được thể hiện tại Công an phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 bị cáo khai nhận "…Tôi (L) không biết số viên nén màu xanh tên là gì, chỉ biết số tinh thể không màu là ma túy đá. Tôi (L) được 01 người đàn ông lạ mặt nhờ giao số ma túy trên với giá 100.000 đồng khi giao xong…" (Bút lục 02). Hội đồng xét xử xét thấy việc Công an lập biên bản phạm tội quả tang đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Đối với cấu thành tội danh, Hội đồng xét xử nhất trí với phần tranh luận của Đại diện viện kiểm sát. Luật sư đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tại phần Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách về độc quyền quản lý và phòng chống tội phạm về ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, Nhà nước Việt Nam nghiêm cấm việc sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời quy định hình phạt nghiêm khắc những ai cố tình vi phạm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra, bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy, nhưng vẫn Vận chuyển trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh bị cáo trước pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tại điểm 2.4 Mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn " Người già" là người từ 70 tuổi trở lên. Về "Người quá già yếu" điểm a tiểu mục 4.1 Mục 4 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn như sau "

Người quá già yếu là người từ 70 tuổi trở lên hoặc người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên đau ốm". Đối với bị cáo trên 60 tuổi nhưng thường xuyên đau ốm là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm m, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư áp dụng điểm n khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy tại điểm n khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định " Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình". Trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện bị cáo là người bệnh thường xuyên đau ốm nhưng không thể hiện bị cáo là người bệnh hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chưa có căn cứ áp dụng điểm n khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp, thường xuyên đau ốm, tuổi đã nhiều. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông tên N, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, nên Công an Quận 1 tiếp tục xác minh, làm rõ, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[5] Xử lý vật chứng:

- Thu giữ 01 gói niêm phong, bên trong có 4,6120 gam ma tuý loại Methamphetamine và 3,1052 gam ma tuý loại MDMA cần tịch thu tiêu hủy

- 01 xe mô tô, biển kiểm soát 59T2-058.55 số khung: RLHJA3812GY048207, số máy: JA8E0114311 do bà Phạm Thị H, thường trú tại 222/14 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 đứng tên đăng ký. Bà H xác định giao xe cho L chạy xe ôm, không biết L sử dụng xe làm phương tiện phạm tội; do đó, xét trả lại cho cho bà Phạm Thị H.

- 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Seri: 357327083576203 là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến vụ án do đó xét trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án .

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm m, p khoản 1 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày: 06-11-2017

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong, bên trong có 4,6120 gam ma tuý loại Methamphetamine và 3,1052 gam ma tuý loại MDMA theo Phiếu nhập kho vật chứng số 48/18/PNK ngày 26-12-2017 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho bà Phạm Thị H 01 xe mô tô, biển kiểm soát 59T2-058.55, số khung: RLHJA3812GY048207, số máy: JA8E0114311 theo Phiếu nhập kho vật chứng số 488/17/PNK ngày 16-11-2017 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh L số tiền 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Seri: 357327083576203 theo Phiếu nhập kho vật chứng số 488/17/PNK ngày 16-11-2017 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí:

- Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

- Áp dụng các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Lê